

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK20-CTK3	7:25	11	0		11	0	tắt máy 3h
2		TD1	7:25	22	0		22	0	
3		CLO+P1+P2	7:25	21+0+0	0+0+0		13+8+1	0+0+0	
4		VSP01+TD1	7:25	20+2	0+0		19+3	0+0	
5		P4+AMD+TGTH5	9:25	1+12+6	0+0+0		1+15+6	0+0+0	chuyen 1 AMD-H5
6		TGTH4+CLO+P8	9:25	3+10+5	0+0+0		2+7+13	0+0+0	
7		VSP01+P5	11:25	19+0	0+0		18+3	0+0	
8		T.UNG	11:25	16	0		19	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
Đi về trong ngày VSP01-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:28
FLIGHT: 1	TO: BK20 - CTK3 (+2,5h)	CREW: ĐTrung - MMinh - PGIANG	ETA: 12:00
VIP			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH NAM	CTK3					87	D-HANH	Vietnamese
2	HA THI MY TRANH	CTK3					66	D-HANH	Vietnamese
3	HOANG PHUC LONG	CTK3					65	D-HANH	Vietnamese
4	LE HOANG HAI	CTK3					79	D-HANH	Vietnamese
5	LE VIET DUNG	CTK3					59	D-HANH	Vietnamese
6	LUONG QUOC DAN	CTK3					73	D-HANH	Vietnamese
7	MAI DANG TUAN	CTK3				10	80	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN LAN HUONG	CTK3					62	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC DUNG	CTK3				5	75	D-HANH	Vietnamese
10	PHAM VAN DOAN	CTK3					60	D-HANH	Vietnamese
11	PHAM VAN GIANG	CTK3					70	VNHS	

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	0	0	0	0	0	0	3	CHUYEN 3 KHACH TU BK20 SANG CTK3
2	CTK3	11	0	0	776	15	11		
TOTAL		11	0	0	776	15	11		
WEIGHT KG				0	776	15			

GRAND TOAL: 791 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/02/2024	TO: TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: PHỦ - ĐỨC - thông	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	UVAYSOV ABDULAKHIN	TD1					117	KHOAN	Russian
2	STECHIN VALERITY	TD1	50	1	15		166	KHOAN	Russian
3	PHAN VIET HUNG	TD1	38	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM CONG TIEN	TD1	34	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN NGUYEN	TD1	44	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
6	MAI XUAN TUNG	TD1	43	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	QUACH VAN THANG	TD1	32	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUU NAM	TD1	35	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN MINH	TD1	41	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
10	VU MANH HAI	TD1	39	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUANG SANG	TD1	36	1	7		52	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN DUC THANG	TD1	37	1	13		61	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN DUNG	TD1	42	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
14	TRUONG QUOC THANG	TD1	45-46	2	19		82	DVL	Vietnamese
15	PHAN THANH TINH	TD1	48-49	2	19		63	DVL	Vietnamese
16	BAN PHUC LONG	TD1	52	1	16		73	DVL	Vietnamese
17	LE VAN THANG	TD1	47	1	12		77	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN TAT LOC	TD1	40	1	3		59	PSV	Vietnamese
19	LE VAN CHANH	TD1	33	1	8		58	PSV	Vietnamese
20	DAU DUC HUNG	TD1	51	1	4		71	PSV	Vietnamese
21	LE TAT VINH	TD1	53	1	5		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	22	164	1.591	0	22		
TOTAL		21	22	164	1.591	0	22		
WEIGHT KG				164	1.591	0			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/02/2024	TO: CLO - P1 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Linh - LTuấn - Thành	ETA: 09:20
XANH-1			

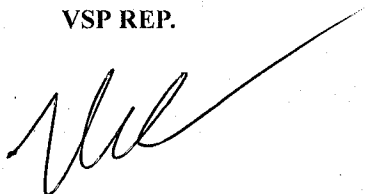
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	74-75	2	12		80	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ MẠNH THĂNG	CLO	78	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG THÀNH	CLO	61	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	62	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	63	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	72	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ MINH TUNG	CLO	64	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN BUI QUANG	CLO	76-77	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ MINH HIỆP	CLO	47	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM TIẾN VINH	CLO	73	1	17		85	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOÀN HIỆU	CLO	70-71	2	13	80	80	KHOAN	Vietnamese
13	UIKHIMCHUCK	CLO	48	1	10		80	KH-THAC	Russian
14	HỒ NGỌC BÈN	CLO	66	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ THAI THANH	CLO	45-46	2	18		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	CLO	80	1	10		134	KH-THAC	Vietnamese
17	TẠ HỒNG QUÂN	CLO	79	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN MINH TUÂN	CLO	49	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU TUYẾN	CLO	65	1	8		63	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN HUNG DŨNG	CLO					70	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU VIỆT	CLO	68-69	2	19		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

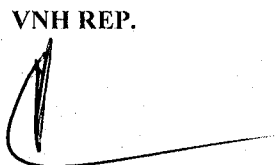
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	21	25	184	1.564	80	13		
2	P1	0	0	0	0	0	8		
3	P2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	25	184	1.564	80	22		
WEIGHT KG				184	1.564	80			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

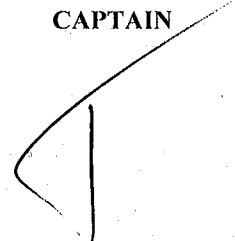
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 4	TO: VSP01 - TD1	CREW: HUNG - N.Cuong - PTUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

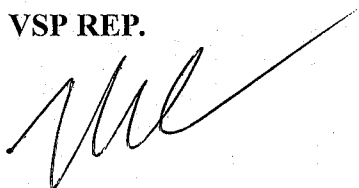
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THĂNG	VSP01				40	74	АУ СП	Vietnamese
2	ĐỖ DUY ĐÔNG	VSP01					70	АУ СП	Vietnamese
3	LÊ TRƯƠNG SA	VSP01					70	ПДНГ	Vietnamese
4	SABITOV A.A	VSP01					78	ПДНГ	Russian
5	BORVYNSKY	VSP01	95	1	9		91	KH-THAC	Russian
6	TRUBOCHKIN	VSP01	61	1	8		78	KH-THAC	Russian
7	HUYNH KIM KHANH	VSP01	62	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HOANG THANH	VSP01	93	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HAI HA	VSP01	65	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	58	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NAM SINH	VSP01	700	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	98	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN VĂN TRƯỞNG	VSP01	99	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH TIỀN BÌNH	VSP01	64	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THUY	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TUYẾN	VSP01	63	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VIỆT TÙNG	VSP01	96-97	2	20		63	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH LỢI	VSP01	60	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN QUI	VSP01	94	1	7		65	YTE	Vietnamese
21	HOANG NGOC KHANH	TD1	08	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	LÊ VĂN TÌNH	TD1	09-10	2	8		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

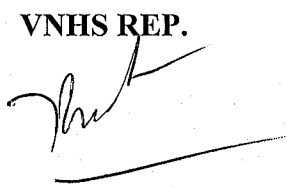
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	20	15	105	1.463	40	19		
2	TD1	2	3	13	130	0	3		
TOTAL		22	18	118	1.593	40	22		
WEIGHT KG				118	1.593	40			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

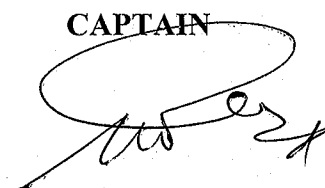
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT: 5	TO: P4 - AMD - TGTH5	CREW: Dương - ĐNam - TRƯỜNG	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	XU XIANGFENG	P4	59-61	3	15	20	90	KHI	Chinese
2	DƯƠNG CHÍ PHÔNG	AMD	57	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH DŨNG	AMD	58	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THỦY	AMD	63	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN SÁU	AMD	54	1	5	60	60	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ANH MINH	AMD	64	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN THUỜNG	AMD	59	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN QUÂN	AMD	60	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HÙNG	AMD	62	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÀ NGỌC MẠNH	AMD	55	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CHÍ CƯỜNG	AMD	56	1	13		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐOÀN DUÂN	AMD	61	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
13	DO VAN THAO	TGTH5	93-94	2	9		66	HLJOC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU LUẬT	TGTH5	89	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	TGTH5	95	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN KHANH	TGTH5	90	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN KHẮC TOÀN	TGTH5	96	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN NHÂN	TGTH5	91-92	2	19		82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	1	3	15	90	20	1		CHUYEN 1 PAX AMD-TGTH5
2	AMD	11	11	56	725	60	15	4	
3	TGTH5	6	8	53	423	0	6		
TOTAL		18	22	124	1.238	80	22		
WEIGHT KG				124	1.238	80			

GRAND TOAL: 1.442 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2024	TO: TGTH4 - CLO - P8	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HAI	TGTH4	69-70	2	15	10	73	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	TGTH4	67	1	10	15	57	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO CÔNG BÌNH	TGTH4	72	1	10	17	67	KH-THAC	Vietnamese
4	NHÂM ĐỨC TUÂN	CLO	07	1	14		70	DVL	Vietnamese
5	KRAVTSOV ALEXANDR	CLO	08	1	19	34	75	DVL	Russian
6	PHÙNG VĂN PHƯƠNG	CLO	06	1	15	25	59	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ TẤT THÀNH	CLO	10	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN PHÚC	CLO	04	1	10	14	76	XAYLAP	Vietnamese
9	HẠ XUÂN BÌNH	CLO	02-03	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ VĂN THAM	CLO	17	1	3		58	PSV	Vietnamese
11	LŨU VĂN TRỌNG	CLO	18	1	3		58	PSV	Vietnamese
12	HOANG HUU THỌ	CLO	19	1	3		71	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CUÔNG	CLO	11-12	2	14	10	57	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH BÌNH	P8	50-51	2	8		73	PSV	Vietnamese
15	HA VAN THIEN	P8	47	1	8		74	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TUNG	P8	46	1	6		78	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P8	48-49	2	10		58	PSV	Vietnamese
18	LƯƠNG TRỌNG DƯƠNG	P8	52	1	5		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	3	4	35	197	42	2		
2	CLO	10	12	108	664	83	7		
3	P8	5	7	37	336	0	11		
TOTAL		18	23	180	1.197	125	20		
WEIGHT KG				180	1.197	125			

GRAND TOAL: 1.502 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2024	TO: VSP01 - P5	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:40
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - N.Cương - PTUẤN	ETA: 13:10
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LŨ SƠN	VSP01	76-77	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG PHUC LUONG	VSP01					81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO XUAN ĐỨC	VSP01	73	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	71	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ HAI ĐĂNG	VSP01	75	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG MINH TÂM	VSP01	79-80	2	7		63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TÂN SANG	VSP01	86	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THUƠNG HAI	VSP01	82-83	2	12		54	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUY ĐÔNG	VSP01	69	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN THANH HA	VSP01	68	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG HA	VSP01	87	1	6	20	76	KH-THAC	Vietnamese
13	LŨU ĐÌNH LỰC	VSP01	81	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN HUY	VSP01	84	1	11		70	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN KHAN	VSP01	74	1	4		72	PSV	Vietnamese
16	PHẠM HUY ĐAU	VSP01	85	1	4		69	PSV	Vietnamese
17	ĐẶNG BÌNH TÂM	VSP01	70	1	4		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN KHUÔNG	VSP01	78	1	8		56	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TẾ	VSP01	72	1	4		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	19	20	110	1.313	20	18		
2	P5	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		19	20	110	1.313	20	22		
WEIGHT KG				110	1.313	20			

GRAND TOAL: 1.443 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	TO: T.UNG	CREW: CÔNG - HHải	ETA: 14:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	QUÁCH VĂN THAO	T.UNG	02,29	2	15		70	YTE	Vietnamese
2	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	44-46	3	15		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TUẤN AN	T.UNG	42-43	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG ANH MINH	T.UNG	37	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	38	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ THANH TÙNG	T.UNG	36	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO DUY TỬ	T.UNG	47	1	5	80	60	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	01	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	39	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN CUÔNG	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	40-41	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY DŨ	T.UNG	32	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG					60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HẢI	T.UNG	31	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN QUANG HÒA	T.UNG					56	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN TỬ LONG	T.UNG	30	1	4		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	16	18	99	1.129	80	19		
TOTAL		16	18	99	1.129	80	19		
WEIGHT KG				99	1.129	80			

GRAND TOAL: 1.308 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	5	0		16	0	
2		P8+P6	7:25	10+12	0+0		9+13	0+0	
3		RP3+VSP02	7:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
4		P4+P5+P11	7:25	18+0+0	0+0+0		13+3+4	0+0+0	
5		TTC2+P8	9:25	5+16	0+0		5+17	0+0	
6		MRM+TD2	9:25	4+17	0+0		0+22	0+0	
7		PPD+P4+TTC1	9:25	16+0+5	0+0+0		13+3+6	0+0+0	
8		P6+BK21	11:25	22+0	0+0		17+4	0+0	
9		CLO+TD5+PPD	11:25	2+5+9	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
10		RP3+P2+BK10	11:25	15+2+0	0+0+0		7+11+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ đi về trong ngày P4-3ng, P8-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2024	TO: T.UNG(+1h)	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LTuấn - ĐTrung - VĐức	ETA: 11:30
VIP			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN NAM	T.UNG	53	1	6		70	D-HANH	Vietnamese
2	LUBNIN A.A.	T.UNG					60	D-HANH	Russian
3	TRAN THI ANH NGOC	T.UNG				4	90	D-HANH	Vietnamese
4	POPOV A.A.	T.UNG					75	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN QUOC DUNG	T.UNG					74	KH-THAC	Vietnamese
6	VO VAN DUC	T.UNG					70	VNHS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	6	1	6	439	4	16		
TOTAL		6	1	6	439	4	16		
WEIGHT KG				6	439	4			

GRAND TOAL: 449 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2024	TO: P8 - P6	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:31
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - HIẾU	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CÔNG	P8					82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH THƯ	P8					52	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ THỊ MINH PHƯƠNG	P8					55	KH-THAC	Vietnamese
4	LAZAREV A.	P8	66	1	5		85	KH-THAC	Russian
5	ĐÀO TIẾN ĐẠT	P8	69-70	2	17	10	75	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG TRÍ NAM	P8	71	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TÚ ANH	P8	64	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG VĂN TUNG	P8	65	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUANG THĂNG	P8	67-68	2	10		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VINH DUNG	P8	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	CHERNIAVSKY D.	P6	01	1	17		112	KH-THAC	Russian
12	PIATOV S/	P6	07	1	14		93	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN HỮU NHAN	P6					70	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH HOÀN	P6	05	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SAU	P6	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI TRỌNG BÌNH	P6	02	1	9	10	70	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN HOÀN	P6	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG THỌ TAM	P6	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY NGỌC	P6	03	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY KHANG	P6	15	1	5		82	YTE	Vietnamese
21	LÊ QUANG HUY	P6	04	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG THAI ANH	P6	06	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	10	9	57	677	10	9		
2	P6	12	11	87	931	10	13		
TOTAL		22	20	144	1.608	20	22		
WEIGHT KG				144	1.608	20			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: RP3 - VSP02	CREW: CHIẾN - N.Cường - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

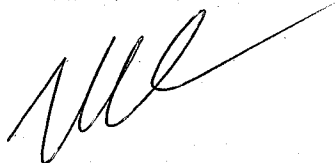
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARUSHANOV SERGEI	RP3	37	1	5		110	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN TRỌNG THUY	RP3					69	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐÌNH THANH	RP3	48	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG NHẬT QUANG	RP3					60	KHOAN	Vietnamese
5	BUI NGOC TU	RP3	35	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TIỀN HÒA	RP3	45	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
7	TELESHENKO IVAN	RP3	42	1	20		120	KHOAN	Russian
8	DƯƠNG THANH TUNG	RP3	47	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
9	SOTRIVEX IGOR	RP3	38	1	8		105	KHOAN	Russian
10	TRẦN VĂN SEN	RP3	46	1	5		67	KHI	Vietnamese
11	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	61-62	2	7		60	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	43-44	2	7		60	KHI	Vietnamese
13	LÂM TIỀN PHI	RP3	59	1	5		84	KHI	Vietnamese
14	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	36	1	3		63	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG HOA	RP3	53	1	10		75	KHI	Vietnamese
16	PANKRATOV R.	RP3	41	1	11		92	KHI	Russian
17	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	54-55	2	19		75	KHI	Vietnamese
18	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	39	1	7		79	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT KY	RP3	60	1	5		71	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	56	1	4		74	KHI	Vietnamese
21	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	57-58	2	13		66	KHI	Vietnamese
22	TARGANOV GENNADII	RP3	40	1	5		94	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

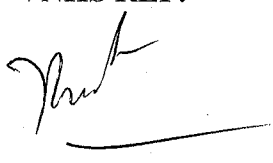
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	24	158	1.706	0	19		
2	VSP02	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	24	158	1.706	0	22		
WEIGHT KG				158	1.706	0			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

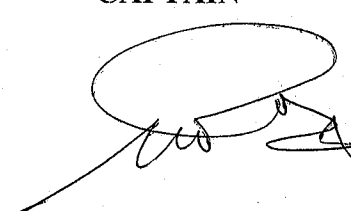
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2024	TO: P4 - P5 - P11	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - Toan	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH PHONG	P4					80	KHI	Vietnamese
2	TRẦN YẾN LINH	P4					57	KHI	Vietnamese
3	ĐỖ THỊ PHƯƠNG DUNG	P4					52	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN LÊ HUY	P4	34-35	2	10		72	KHI	Vietnamese
5	PHẠM THẺ TRƯỜNG	P4	44	1	7		77	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	46-47	2	10		71	KHI	Vietnamese
7	PHẠM TRẠI	P4	39	1	5		63	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	42	1	7		67	KHI	Vietnamese
9	TẠ XUÂN HIỆU	P4	45	1	6		67	KHI	Vietnamese
10	DOÀN THANH CÔNG	P4	48	1	7		77	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	33	1	4		73	KHI	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	40	1	4		82	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	41	1	6		65	KHI	Vietnamese
14	TRẦN SƠN TIẾN	P4	32	1	7	45	69	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	37-38	2	10		76	KHI	Vietnamese
16	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	36	1	6		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	P4					82	KHI	Vietnamese
18	PHAN ĐÌNH NHAM	P4	43	1	6		61	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	18	17	95	1.261	45	13		GUI PILOT CAM 1 PCS TAG 18-P11
2	P5	0	0	0	0	0	3		
3	P11	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		18	17	95	1.261	45	20		
WEIGHT KG				95	1.261	45			

GRAND TOAL: 1.401 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: TTC2 - P8	CREW: TTrung - ĐNam - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHÙNG MINH HIẾU	TTC2	23	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯU VĂN AN	TTC2	24	1	4	40	62	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN TUÂN	TTC2	22	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ PHƯƠNG	TTC2	21,26	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ TIỀN QUÝ	TTC2	25	1	5		75	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NHAN	P8					60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM MINH DƯƠNG	P8	11	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN QUÊ	P8	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HÒA	P8	05	1	6	4	80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO VĂN ĐÓN	P8	99	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	02	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HỮU BẢO	P8	96	1	14		92	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG NAM HAI	P8	08-09	2	9		94	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUANG HUY	P8	10	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN BẮC	P8	04	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN HOÀNG GIANG	P8	97	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI QUÂN	P8	06	1	13		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	03	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN KHIÊM HIẾU	P8	07	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÌNH ĐỨC TRUNG	P8	98	1	14		88	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ ĐỨC TÙNG	P8	700,01	2	14		73	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	5	6	30	326	40	5		
2	P8	16	17	120	1.176	4	17		
TOTAL		21	23	150	1.502	44	22		
WEIGHT KG				150	1.502	44			

GRAND TOAL: 1.692 KGS +4 kg

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2024	TO: MRM - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.Cương - THỤ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DMITRII KONDRATOV	MRM	39-40	2	12		118	HALLIBUR	Russian
2	TRẦN HƯA TUÂN	MRM	37-38	2	20		62	HALLIBUR	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT SỬ	MRM	41	1	8		62	VTB	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH HAI	MRM	42	1	7	110	73	VTB	Vietnamese
5	BUI VĂN CHÍNH	TD2				25	90	KHOAN	Vietnamese
6	VUÔNG ĐÌNH LIÊN	TD2	37	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGỌC DUNG	TD2	50	1	13		83	KHOAN	Vietnamese
8	ĐO VĂN CƯỜNG	TD2	43	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	48	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC HAI	TD2	39	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ XUÂN THƯƠNG	TD2	40-41	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
12	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	49	1	8		83	KHOAN	Vietnamese
13	CAO VĂN LỢI	TD2	45-46	2	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY DUNG	TD2	86	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
15	TRANG NGỌC HUNG	TD2	42	1	14		63	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD2	47	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ THANH THAI	TD2	52	1	20		92	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN THAI QUYNH	TD2	51	1	18		79	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN TÀI	TD2	35	1	5		80	PSV	Vietnamese
20	VŨ ĐÌNH GIANG	TD2	44	1	6		67	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HAI	TD2	38	1	5		51	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

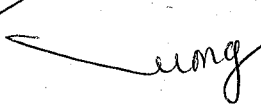
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	4	6	47	315	110	0		
2	TD2	17	18	145	1.267	25	22		
TOTAL		21	24	192	1.582	135	22		
WEIGHT KG				192	1.582	135			

GRAND TOAL: 1.909 KGS

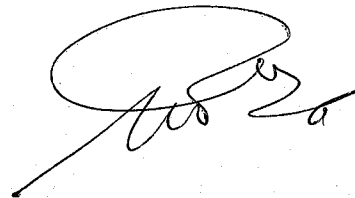
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 7	TO: PPD - P4 - TTC1	CREW: VThắng - HTrung - Toan	ETA: 11:50
VANG-2			

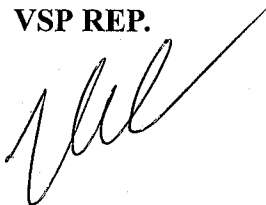
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	62	1	3	70	62	KHI	Vietnamese
2	VU THANH BÌNH	PPD	59	1	3		84	KHI	Vietnamese
3	PHAN VĂN TÙNG	PPD	53	1	10		82	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	52	1	3		76	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	51	1	6		69	KHI	Vietnamese
6	ĐỖ NGỌC TÂN	PPD	60	1	10		75	KHI	Vietnamese
7	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	61	1	7		83	KHI	Vietnamese
8	PHẠM TÀI	PPD	58	1	12		73	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	56	1	4		78	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY TRƯỞNG	PPD	55	1	5		68	KHI	Vietnamese
11	KOLESNIK A.IU	PPD	48	1	9		101	KHI	Russian
12	BUI THANH	PPD	54	1	3		60	KHI	Vietnamese
13	TRỊNH QUỐC THÀNH	PPD	63-64	2	9		105	KHI	Vietnamese
14	CHU MINH PHUONG	PPD	49	1	10		85	KHI	Vietnamese
15	PHẠM HAI QUANG	PPD	57	1	7		73	KHI	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN THANH	PPD	50	1	7		82	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CUÔNG	TTC1	63-65	3	10		45	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NHẬT THANH	TTC1	62	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC1	61	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	TTC1	59	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HUNG	TTC1	60	1	6		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

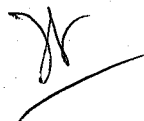
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	16	17	108	1.256	70	13		
2	P4	0	0	0	0	0	3		
3	TTC1	5	7	32	320	0	6		
TOTAL		21	24	140	1.576	70	22		
WEIGHT KG				140	1.576	70			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2024	TO: P6 - BK21	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - HIẾU	ETA: 14:00
XANH-3			

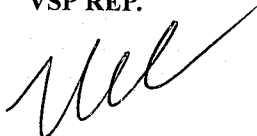
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC QUỲ	P6	13	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO KIM SÂM	P6	17	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
3	HA DUY ĐÔNG	P6	34-35	2	9		90	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO TRƯỜNG SƠN	P6	22	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐẠI THÀNH	P6	15	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P6	27	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN KHANH	P6	32	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HỒNG GIANG	P6	26	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN CUÔNG	P6	18	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HUY THAI	P6	16	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG TIẾN DŨNG	P6	28	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRI HAO	P6	31	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	HA XUÂN THANH	P6	20	1	9		110	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN THAI	P6	25	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HUY	P6	24	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	P6	33	1	6	20	75	PSV	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TỈNH	P6	14	1	7		73	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	P6	22	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG MẠNH	P6	21	1	6		80	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY CẢNH	P6	29	1	5		55	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC VIỆT	P6	30	1	10		67	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỞNG	P6	19	1	7		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	23	149	1.637	20	17		
2	BK21	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	23	149	1.637	20	21		
WEIGHT KG				149	1.637	20			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
FLIGHT: 9	TO: CLO - TD5 - PPD	CREW: HUNG - MTHAO - Vũ	ETA: 14:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH SỸ TUÂN	CLO	84	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ HAI NGÂN	CLO	82-83	2	15		55	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG THÁI VIỆT	TD5	41	1	13		72	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH THAO	TD5	44	1	18		70	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN THIỆU BÌNH	TD5	42	1	10	12	60	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM HAI	TD5	37-38	2	16		79	DVL	Vietnamese
7	TRẦN QUANG HUY	TD5	39-40	2	20	24	93	DVL	Vietnamese
8	VŨ MẠNH HÙNG	PPD	74	1	3		72	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	PPD	69-70	2	12		87	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	PPD	73	1	6		72	KHI	Vietnamese
11	TRẦN CÔNG BÌNH	PPD	72	1	8		63	KHI	Vietnamese
12	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD	75	1	6		80	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG HIỂN	PPD	71	1	3		57	KHI	Vietnamese
14	LÊ QUANG NINH	PPD					64	KHI	Vietnamese
15	GALLIAMOV	PPD	76	1	7		68	KH-THAC	Russian
16	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD					60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	2	3	25	132	0	0		
2	TD5	5	7	77	374	36	0		
3	PPD	9	8	45	623	0	22		
TOTAL		16	18	147	1.129	36	22		
WEIGHT KG				147	1.129	36			

GRAND TOTAL: 1.312 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2024	TO: RP3 - P2 - BK10	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: KHOÀN - Dương - DTùng	ETA: 14:05
CAM-3			

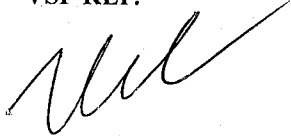
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN HẬU	RP3	85	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN LÊ KIẾN	RP3	86	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỒNG VĂN TOÀN	RP3	96-97	2	12		67	KHOAN	Vietnamese
4	NGÔ MINH LƯƠNG	RP3	94	1	9		55	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUYNH	RP3	93	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ XUÂN TUYẾN	RP3					61	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN HỒNG NGỰ	RP3	87	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VIỆT PHƯƠNG	RP3	90	1	7		92	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM BÌNH NAM	RP3	95	1	6		64	KHI	Vietnamese
10	TÀNG TIẾN TOÀN	RP3	89	1	11		78	DVL	Vietnamese
11	LÊ DUY HUYNH	RP3	88	1	13		67	DVL	Vietnamese
12	PHẠM VĂN SANG	RP3	91-92	2	15		68	DVL	Vietnamese
13	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	RP3	98	1	10	15	73	DVL	Vietnamese
14	PHẠM HỒNG QUY	RP3	84	1	9		70	DVL	Vietnamese
15	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI THỌ DUNG	P2	93-94	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

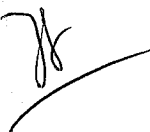
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	15	110	979	15	7		
2	P2	2	2	8	133	0	11		
3	BK10	0	0	0	0	20	3		
TOTAL		16	17	118	1.112	35	21		
WEIGHT KG				118	1.112	35			

GRAND TOAL: 1.245 KGS + 20 kg

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

